

KẾ HOẠCH
Xuất khẩu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XI và Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre 5 năm 2021-2025.

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bến Tre ban hành Kế hoạch Xuất khẩu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025 với các nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN XUẤT KHẨU GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Kết quả đạt được

- Giai đoạn 2016-2020, xuất khẩu toàn tỉnh đạt 5.272 triệu USD, tăng bình quân 16,31%/năm. Riêng năm 2020, mặc dù ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nhưng xuất khẩu vẫn đạt 1,397 triệu USD, tăng 1,89 lần so với năm 2016. Cơ cấu xuất khẩu có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu, có hàm lượng công nghệ cao, giảm tỷ trọng hàng thô và gia công. Chủ thể xuất khẩu không ngừng tăng lên; đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có hơn 130 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu, tăng 30 doanh nghiệp (DN) so với năm 2016. Thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng, đến cuối năm 2020, đã xuất khẩu sang 128 quốc gia và vùng lãnh thổ.

- Đã hình thành một số vùng chuyên canh sản xuất hàng xuất khẩu; các chương trình, dự án xây dựng vùng nguyên liệu cung ứng cho sản xuất hàng xuất khẩu được triển khai thực hiện ở các địa phương trong tỉnh.

- Quy mô sản xuất hàng xuất khẩu của các DN được đầu tư mở rộng, một số nhà máy chế biến hàng xuất khẩu có quy mô lớn và thiết bị hiện đại được xây dựng và đi vào hoạt động.

2. Những khó khăn hạn chế.

- Sản xuất công nghiệp tuy có tăng trưởng nhưng chưa vững chắc; chất lượng tăng trưởng và hiệu quả đóng góp của công nghiệp vào tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Bến Tre có cải thiện nhưng chưa nhiều để trở thành khâu đột phá thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến xuất khẩu và thị trường đầu ra không ổn định. Quy mô, năng lực, sức cạnh tranh và khả năng của DN còn yếu; chưa tạo được đột phá trong thu hút đầu tư; trình độ công nghệ, nhân lực và năng suất lao động trong ngành công nghiệp còn thấp; chưa chú trọng đến việc xây dựng, bảo hộ và phát triển nhãn hiệu ở nước ngoài. Tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công

ng nghiệp còn chậm; công nghiệp nông thôn và các làng nghề phát triển chậm do đó chưa thu hút được doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất.

- Hoạt động xúc tiến thương mại chưa có bước đột phá mới. Một số chương trình xúc tiến thương mại chủ yếu hỗ trợ DN nhỏ và vừa; đối với DN lớn nhu cầu phát triển ra các thị trường ngoài nước có tiềm năng như Châu Âu, Châu Mỹ, Hoa Kỳ,... khó thực hiện. Các hoạt động xúc tiến đầu tư còn hạn chế về kinh phí và chủ yếu phụ thuộc vào nguồn ngân sách của tỉnh; chưa tổ chức được nhiều sự kiện xúc tiến đầu tư, nhất là xúc tiến đầu tư vào các thị trường trọng điểm nước ngoài để mời gọi các tập đoàn lớn đầu tư vào địa bàn tỉnh. Doanh nghiệp chưa quan tâm xây dựng và bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa và vấn đề sở hữu trí tuệ ở nước ngoài.

- Việc kêu gọi thu hút đầu tư, đặc biệt là các dự án về xuất khẩu còn gặp nhiều khó khăn, nguyên nhân chủ yếu là do tỉnh thiếu quỹ đất sạch; giá đền bù giải tỏa mặt bằng khá cao so với mặt bằng chung của đồng bằng sông Cửu Long; Cơ sở hạ tầng của tỉnh vẫn còn hạn chế; công tác xúc tiến đầu tư chưa gắn được với liên kết vùng; chưa có nhiều hoạt động hỗ trợ xúc tiến đầu tư của các Bộ, ngành Trung ương; Công tác điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của một số địa phương còn chậm; công tác giải phóng mặt bằng mất nhiều thời gian cũng làm cho nhà đầu tư lo ngại trong việc quyết định đầu tư và triển khai dự án tại tỉnh.

- Hàng công nghiệp gia công còn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu hàng xuất khẩu, tỉnh có nguồn nguyên liệu tôm dồi dào nhưng chưa xuất khẩu được; đầu ra một số sản phẩm từ dừa và hàng nông sản còn phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc, chưa xuất được chính ngạch hoặc xuất được chính ngạch nhưng tỷ lệ còn rất thấp, chủ yếu đi tiểu ngạch hoặc dán nhãn, mác của nước khác (dừa, bưởi da xanh, sầu riêng, xoài). Thị trường xuất khẩu hàng hoá mặc dù đã có bước tiến đáng kể, nhưng nhìn chung vẫn ít bạn hàng, phụ thuộc vào chỉ định của bên giao gia công, nhiều doanh nghiệp còn xuất khẩu qua trung gian và chưa chủ động được thị trường.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 từ cuối năm 2019 đến nay, đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng của kim ngạch xuất khẩu; trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản năm 2020 đã giảm 8,97% so với cùng kỳ năm 2019 và hàng thủy sản giảm 11,37% do một số nước nhập khẩu tạm ngưng nhập khẩu để kiểm soát dịch bệnh. Dự báo, trong thời gian tới mức độ ảnh hưởng sẽ còn tiếp tục.

3. Nguyên nhân khó khăn, hạn chế.

- Sản xuất nông nghiệp chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh; lực lượng lao động nông nghiệp có chuyên môn, tay nghề chưa cao; khả năng tiếp cận khoa học công nghệ mới, tiên tiến còn hạn chế. Đa số DN trong tỉnh có quy mô nhỏ, định hướng tiêu thụ sản phẩm yếu, thiếu chuyên môn - kỹ thuật - năng lực tiếp cận thị trường nên chưa mạnh dạn đầu tư, ký kết hợp đồng, bao tiêu nông sản. Chi phí đầu tư hạ tầng, kỹ thuật sản xuất, đầu vào cao; giá cả không ổn định, làm giảm khả năng cạnh tranh của ngành hàng nông sản trên thị trường quốc tế và cả trong nước.

- Nguồn kinh phí và năng lực của cơ quan xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư chưa đáp ứng nhu cầu; nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng cho nhu cầu phát triển của các DN còn thiếu; thiếu quỹ đất sạch nên chưa tạo ra nhiều cơ hội để DN đầu tư phát triển, chưa tìm gọi được DN đủ mạnh tham gia liên kết.

- Cơ chế tài chính còn bất cập, việc mua sắm, đầu tư thiết bị, công nghệ phải qua đấu thầu, trong khi nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học chiếm tỷ lệ khá nhỏ trong tổng mức đầu tư thiết bị, công nghệ của DN. Thêm vào đó, đa số DN trên địa bàn tỉnh là ngành dừa, thường sử dụng máy móc, thiết bị đặc thù hoặc đặt hàng sản xuất riêng, trong khi đó điều kiện để được dự án hỗ trợ là trước đầu tư nên DN không đảm bảo đủ điều kiện để được hỗ trợ.

- Các DN nhỏ và vừa thiếu nguồn lực để tiếp cận các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng. Một số DN khi áp dụng các hệ thống quản lý là do yêu cầu của khách hàng nước ngoài, mang tính hình thức mà chưa hiểu rõ vai trò quan trọng của hệ thống quản lý chất lượng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Một số sản phẩm là thế mạnh của tỉnh như sản phẩm thủy hải sản gặp khó vì nguyên liệu không ổn định; hàng nông sản chưa đáp ứng được yêu cầu truy xuất nguồn gốc, chất lượng chưa cao, còn sử dụng nhiều thuốc bảo vệ thực vật không tuân theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Do đó chỉ xuất khẩu tiểu ngạch mà chưa thể xuất khẩu chính ngạch; hoạt động sản xuất kinh doanh của các DN chế biến dừa trên địa bàn tỉnh chịu chi phối bởi việc trúng mùa dừa của các nước có diện tích sản lượng dừa lớn trong khu vực.

- Cơ sở hạ tầng giao thông chưa theo kịp nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội, các tuyến đường từ huyện trở xuống còn hạn chế tải trọng gây tăng chi phí vận chuyển. Nguyên nhân do nguồn kinh phí đầu tư nâng cấp, xây dựng mới từ ngân sách gặp khó khăn, kinh phí duy tu sửa chữa hàng năm chỉ đáp ứng khoảng 30% nhu cầu, dẫn đến các công trình cầu, đường xuống cấp nhanh.

- Thị trường xuất khẩu chủ yếu của tỉnh là Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, các nước Trung Đông...tuy nhiên các nước này đang bị ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh nên ảnh hưởng rất lớn đến kim ngạch xuất khẩu của Bến Tre.

II. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm có lợi thế về điều kiện sản xuất, khí hậu, thổ nhưỡng...; tăng tỷ trọng sản lượng sản phẩm có chất lượng cao, gia tăng giá trị sản phẩm; phấn đấu đạt được các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ XI đã đề ra, phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô tập trung, an toàn thực phẩm, có chỉ dẫn địa lý, thương hiệu sản phẩm, mã vùng trồng, tem, nhãn,... phục vụ cho chế biến, xuất khẩu. Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, sản xuất hàng xuất khẩu, góp phần đạt và vượt chỉ tiêu tăng trưởng GRDP của tỉnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Quy mô tăng trưởng: Phân đầu kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 đạt 10.000 triệu USD. Giá trị tăng từ 1.397 triệu USD năm 2020 lên 2.600 triệu USD vào năm 2025.

- Cơ cấu hàng xuất khẩu: Nhóm hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiếp tục chiếm tỷ trọng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu với 76,3%, nhóm hàng rau quả chiếm tỷ trọng 7,2%, nhóm hàng thủy hải sản chế biến 16,5%.

- Mặt hàng xuất khẩu chủ lực: Tiếp tục phát triển các mặt hàng có lợi thế về vùng nguyên liệu như các sản phẩm từ dừa, thủy hải sản, nông sản và nông sản chế biến.

- Thị trường xuất khẩu: Tập trung xuất khẩu sang các thị trường như: Hoa Kỳ, Canada, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Asean và các nước khu vực Châu Đại Dương,...

2. Định hướng phát triển xuất khẩu của tỉnh giai đoạn 2021-2025

2.1. Định hướng mặt hàng xuất khẩu

Trong giai đoạn 2021-2025, với việc tiếp tục tận dụng được lộ trình miễn giảm thuế quan từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới đã có hiệu lực như Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA), Việt Nam - Nhật Bản (VJFTA), đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), đặc biệt là các Hiệp định mới như Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (Hiệp định EVFTA), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (Hiệp định UKVFTA), Asean - Hồng Kông (AHKFTA), RCEP,... với lộ trình xóa bỏ tới trên 90% dòng thuế, các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh sẽ có xu hướng tăng mạnh, nhất là các sản phẩm như sản phẩm từ dừa, linh kiện điện tử, linh kiện ô tô, da giày, dệt may, nông sản và nông sản chế biến, thủ công mỹ nghệ,...

2.1.1. Nhóm hàng công nghiệp

- Sản phẩm từ dừa: Đây là mặt hàng có thế mạnh của tỉnh và vẫn sẽ chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021-2025. Dự kiến kim ngạch xuất khẩu sản phẩm từ dừa đến năm 2025 đạt 560 triệu USD, tăng bình quân 10,05%; trường hợp doanh nghiệp nâng cao mặt hàng xuất khẩu có hàm lượng chế biến sâu, công nghệ cao gắn với mở rộng quy mô xuất khẩu nhằm khai thác có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết thì kim ngạch xuất khẩu phân đầu đạt 1.000 triệu USD vào năm 2025, tăng bình quân 23,58%/năm.

- Mặt hàng dệt may: Các dự án sản xuất, xuất khẩu hàng dệt may đã hoạt động tương đối ổn định, sản phẩm đã chiếm lĩnh được nhiều thị trường lớn, dự kiến đến năm 2025 kim ngạch xuất khẩu đạt 1.300 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 20,8%/năm cho cả giai đoạn 2021-2025.

- Mặt hàng túi xách da: trong giai đoạn 2021-2025 sẽ vẫn là một trong những mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của tỉnh, dự kiến đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sẽ đạt 190 triệu USD, tăng bình quân 17,45%/năm.

- Bộ dây điện dùng cho ô tô: Đây là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu ổn định. Dự kiến đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đạt 230 triệu USD, tăng bình quân khoảng 14,08%/năm.

2.1.2. Nhóm hàng rau quả

Bến Tre có vùng nguyên liệu dừa và trái cây như bưởi da xanh, sầu riêng, chôm chôm, nhãn...với một số nhà máy chế biến đạt tiêu chuẩn xuất khẩu như Nhà máy chế biến dừa tươi Kim Thanh, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu (TNHH XNK) Trái cây Chánh Thu, Công ty TNHH XNK Nông sản Bảo Thạnh,...sẽ tạo nguồn hàng dồi dào cho xuất khẩu. Hiện tại, trái dừa tươi của tỉnh đã được xuất khẩu sang các nước EU, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật...với kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 118 triệu USD. Ngoài ra, Hiệp định EVFTA có hiệu lực mặt hàng nông sản của tỉnh sẽ hưởng lợi rất lớn từ lộ trình cắt giảm thuế quan. Dự kiến đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sẽ đạt 165 triệu USD, tăng bình quân 6,99%/năm.

2.1.3. Nhóm hàng thủy hải sản chế biến

Nhóm mặt hàng bao gồm các hàng cá, nghêu, tôm,...trong thời gian qua gặp không ít khó khăn về nguyên liệu, tuy nhiên tỉnh có nghêu đã được chứng nhận chứng nhận của Hội đồng biển quốc tế (MSC) và tôm, có nguồn nguyên liệu dồi dào nhưng trong những năm qua chưa xuất khẩu được, do đó cần ưu tiên đẩy mạnh xuất khẩu trong thời gian tới. Dự kiến đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sẽ đạt 105 triệu USD, tăng bình quân 11,38%; trường hợp đến năm 2025 diện tích nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao đạt 4.000ha với sản lượng 144.000 tấn và có doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và xuất khẩu thì kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này phấn đấu đạt 1.200 triệu USD, tăng bình quân 72,64%/năm.

2.1.4. Nhóm hàng thủ công mỹ nghệ

Nhóm này có mặt hàng xuất khẩu khá đa dạng như cói, mây, tre, cói, thảm, và đặc biệt là các sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ dừa. Hiện tỉnh có trên 20 cơ sở làm thủ công mỹ nghệ đã và đang xuất khẩu đi nhiều nước của Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ như: Công ty TNHH Thanh Bình, cơ sở Hưng Tiến, Trần Ngọc Tuấn, Phúc Sang, cơ sở thủ công mỹ nghệ Trường Ngân, doanh nghiệp tư nhân Yên Thạnh, Thành Mỹ, Mỹ nghệ Thanh Liêm, Thanh Nhân,...Mỗi cơ sở trên lại có đến hơn chục vệ tinh khác đang hoạt động rải rác đều khắp các huyện. Đây là sản phẩm có nhiều tiềm năng của tỉnh, có giá trị gia tăng cao, tận dụng

được các phụ phẩm từ cây dừa và giải quyết việc làm cho lao động nông nhân tại địa phương do đó cần ưu tiên hỗ trợ để đẩy mạnh xuất khẩu trong thời gian tới. Dự kiến đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu sẽ đạt 35 triệu USD, tăng trưởng bình quân cả giai đoạn đạt 14,42%/năm.

2.2. Định hướng thị trường xuất khẩu

2.2.1. Thị trường các nước Asean

Giai đoạn 2021-2025, với sự ra đời Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) mức độ mở cửa theo cam kết của các nước ASEAN rất lớn. Do vậy cần đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Philippines và các thị trường còn nhiều tiềm năng xuất khẩu là Lào, Myanmar. Về mặt hàng, tăng cường xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến, chế tạo có hàm lượng công nghệ cao, nguyên liệu đầu vào là sản phẩm trong nước; tiếp tục đẩy mạnh và duy trì xuất khẩu nhóm hàng các sản phẩm từ dừa, nông sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử, linh kiện ô tô,...

2.2.2. Thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc

Tiếp tục tận dụng tối đa các ưu đãi từ các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) đa phương và song phương để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản. Về mặt hàng, tăng cường xuất khẩu nhóm hàng dừa và các sản phẩm từ dừa, thủy hải sản, linh kiện điện tử, hàng dệt may, linh kiện ô tô, hàng thủ công mỹ nghệ...

2.2.3. Thị trường Trung Quốc

Tập trung đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan với các mặt hàng như dừa và các sản phẩm từ dừa, trái cây, dệt may, da giày, linh kiện điện tử, thủy hải sản chế biến,...

2.2.4. Thị trường các nước Liên minh Châu Âu (EU)

Châu Âu là thị trường lớn, GDP 16 nghìn tỷ USD. Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực từ tháng 8 năm 2020 và Hiệp định UKVFTA được ký kết vào ngày 29/12/2020 sẽ góp phần đẩy mạnh xuất khẩu của cả nước nói chung và Bến Tre nói riêng sang thị trường này. Công ty Vina T&T Group chính thức xuất khẩu một container dừa tươi gồm 20.000 quả bằng đường tàu biển, 12 tấn bưởi da xanh và 3 tấn thanh long bằng đường hàng không sang thị trường Liên minh Châu Âu theo Hiệp định EVFTA. Do đó, dự báo trong thời gian tới, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh sẽ khả quan hơn khi tận dụng các ưu đãi do các Hiệp định mang lại.

Về mặt hàng, tiếp tục thúc đẩy xuất khẩu các nhóm mặt hàng đã xuất khẩu sang thị trường này như các sản phẩm từ dừa, thủy hải sản, hàng dệt may, giày dép,... Bên cạnh đó, mặt hàng thủy công mỹ nghệ và tôm đông lạnh cũng là những mặt hàng tiềm năng cho thị trường này.

2.2.5. Thị trường Châu Mỹ

Tiếp tục củng cố và mở rộng thị phần xuất khẩu tại các nước khu vực Bắc Hoa Kỳ, nhất là thị trường Hoa Kỳ, đồng thời tận dụng có hiệu quả lộ trình cắt giảm thuế quan theo tinh thần Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) để mở rộng thị phần xuất khẩu sang các thị trường Canda, Mexico, Chi Lê, Peru và Brazil. Về mặt hàng, tập trung xuất khẩu những nhóm hàng có thế mạnh xuất khẩu của tỉnh như dệt may, da giày, trái cây, dừa và các sản phẩm chế biến từ dừa, hàng thủ công mỹ nghệ.

2.2.6. Thị trường các nước Trung Đông và Châu Phi

Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có thế mạnh của tỉnh sang các nước như Nam Phi, Ai Cập, Kuwait, Iran, Ả Rập Saudi, Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất... Về mặt hàng, thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng túi xách da, gạo, dệt may, dừa và các sản phẩm từ dừa.

2.2.7. Thị trường Châu Đại Dương

Australia và Nezealand là những nước đã ký FTA với Việt Nam, nhiều mặt hàng xuất khẩu từ Bến Tre sẽ được ưu đãi thuế quan, do đó các doanh nghiệp trong tỉnh cần tận dụng lợi thế để đẩy mạnh xuất khẩu. Về mặt hàng, tập trung vào các sản phẩm dệt may, da giày,...

III. CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Nâng cao năng lực cho doanh nghiệp xuất khẩu

1.1. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút đầu tư từ nước ngoài, đơn đốc tiến trình thực hiện các dự án đầu tư đã ký kết

- Triển khai thực hiện các nhóm giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, trong đó chú trọng cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn tín dụng, mặt bằng sản xuất kinh doanh, tiếp cận thị trường giảm chi phí cho doanh nghiệp. Thực hiện tốt Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp năm 2020; Chương trình hành động số 14-CTrHĐ/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU của Bộ Chính trị (Khóa XI) “*Về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”. Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển hiệu quả.

- Cải thiện môi trường đầu tư theo hướng thông thoáng hơn để thu hút các nguồn lực thuộc mọi thành phần kinh tế, nhất là các nhà đầu tư từ các quốc gia đã ký FTA với Việt Nam vào các ngành như: sản phẩm công nghệ cao; thiết bị điện - điện tử, linh kiện ô tô...Bổ sung danh mục các lĩnh vực, dự án đầu tư trọng điểm của tỉnh cũng như các chính sách khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực sản xuất các mặt hàng phục vụ xuất khẩu.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác và thu hút đầu tư; thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 202-KH/TU ngày 16/10/2019 của Tỉnh ủy về thực hiện

Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030. Đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài theo hướng có chọn lọc, ưu tiên những ngành có công nghệ và tạo giá trị gia tăng cao, ít thâm dụng đất và lao động, thân thiện môi trường; trong đó chú ý thu hút các dự án phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu; quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động hiệu quả, ổn định. Phân đầu giai đoạn 2021-2025 thu hút khoảng 02 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật kịp thời các chính sách ưu đãi đầu tư và điều chỉnh danh mục dự án ưu tiên mời gọi đầu tư giai đoạn 2020-2025 trên các kênh thông tin; triển khai Bộ tiêu chí thu hút đầu tư vào khu, cụm công nghiệp; tăng cường thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Tiếp tục nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của Tổ dịch vụ công trong việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính và các dịch vụ khác có liên quan cho nhà đầu tư, doanh nghiệp. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các dự án đã cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư sớm đi vào hoạt động ổn định. Phân đầu giai đoạn 2021-2025, thu hút 40.000 tỷ đồng vốn đầu tư trong nước.

- Đôn đốc các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai cụm công nghiệp An Hòa Tây, Phú Hưng; Tập trung phối hợp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy mạnh tiến độ đầu tư Khu công nghiệp Phú Thuận, Cụm công nghiệp Long Phước để tạo quỹ đất cho doanh nghiệp tiếp cận đầu tư thuận lợi, nhất là nắm bắt cơ hội đón làn sóng dịch chuyển đầu tư vào Việt Nam sau khi đại dịch Covid-19 ổn định. Duy trì và tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận các cụm công nghiệp hiện hữu như Phong Nẫm giai đoạn 2, An Đức - thị trấn Ba Tri, Tân Thành Bình, thị trấn Thạnh Phú, Sơn Quy, Bình Thới, An Nhơn, Khánh Thạnh Tân, KCN An Nhơn.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ xúc tiến đầu tư; cập nhật kịp thời các chính sách ưu đãi đầu tư trên các kênh thông tin xúc tiến đầu tư. Nâng chất trang thông tin chuyên về xúc tiến đầu tư của tỉnh với 05 ngôn ngữ: Anh, Việt, Hàn, Nhật, Hoa để phục vụ nhu cầu tra cứu của nhà đầu tư trước khi đến Bến Tre nghiên cứu dự án đầu tư.

- Tổ chức các sự kiện xúc tiến đầu tư vào các lĩnh vực tỉnh có thế mạnh; tăng cường làm việc với Tham tán thương mại Việt Nam tại các nước mà có thị trường trọng điểm để xúc tiến online. Tăng cường các hoạt động quảng bá, xúc tiến, thu hút đầu tư; hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận và tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do đã ký kết, đặc biệt là EVFTA, CPTPP, UKVFTA...

1.2. Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ

- Hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu trong việc ứng dụng khoa học và công nghệ, thay đổi công nghệ, thiết bị phù hợp nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Tập trung nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, thiết bị chế biến sâu đối với các sản phẩm chủ lực, bảo quản

giảm tổn thất sau thu hoạch, tận dụng phế phụ phẩm; đa dạng hóa sản phẩm chế biến theo hướng nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (HACCP)...nhằm nâng cao chất lượng, bảo đảm đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm và tiêu chuẩn kỹ thuật của nông sản xuất khẩu. Hỗ trợ cung cấp thông tin về rào cản kỹ thuật trong thương mại.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp bảo hộ nhãn hiệu ở thị trường nước ngoài.

- Ưu tiên ngân sách và kêu gọi đầu tư hạ tầng kỹ thuật khoa học và công nghệ, phát triển các sản phẩm tinh có lợi thế, có tiềm năng xuất khẩu.

1.3. Phát triển nguồn nhân lực cho xuất khẩu

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong công tác đào tạo nguồn nhân lực theo hướng gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp; tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm mà tỉnh định hướng (chuyên đổi số, kinh tế số, kinh tế biển, năng lượng, logistics,...). Từng bước thực hiện đào tạo theo yêu cầu, định hướng của các doanh nghiệp, đáp ứng những tiêu chuẩn, điều kiện về lao động đặt ra từ phía các nhà nhập khẩu. Qua đó, nhằm phát triển nguồn nhân lực qua đào tạo, đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành, nghề đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp của thị trường lao động.

- Thường xuyên tổ chức các phiên giao dịch việc làm định kỳ tại Trung tâm Dịch vụ việc làm và các phiên lưu động, chuyên đề, trọng điểm tại các địa phương để góp phần thu hút nguồn lao động có chất lượng, đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu nói riêng.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực; tận dụng cơ hội đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của các tổ chức trong nước và quốc tế trong đó ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực khoa học - công nghệ nhằm tăng cường năng lực tiếp cận công nghệ 4.0, tạo đột phá trong đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp xuất khẩu.

- Tổ chức tập huấn về kiến thức pháp luật quốc tế, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, thuế, hải quan, khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, kỹ năng xúc tiến thương mại, xây dựng và phát triển thương hiệu, tìm kiếm thông tin thương mại,... nhằm trang bị kiến thức, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, người làm công tác chuyên môn về hoạt động xuất nhập khẩu và doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện nâng cao sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường quản lý có hiệu quả và tạo điều kiện cho các tổ chức của người lao động hoạt động tại doanh nghiệp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp, chính đáng của người lao động; tạo điều kiện cho doanh nghiệp xuất khẩu đáp ứng được yêu cầu của đối tác về lao động trong Hiệp định FTA thế hệ mới.

1.4. Chính sách tài chính, tín dụng

- Tập trung ưu tiên đầu tư vốn tín dụng đối với 05 lĩnh vực ưu tiên theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thông qua triển khai thực hiện tốt Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Chương trình Khởi khởi nghiệp và Phát triển doanh nghiệp, ... với nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi, nhất là các lĩnh vực tiềm năng xuất khẩu, thế mạnh của tỉnh.

- Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục cải cách thủ tục giao dịch theo hướng tinh gọn, cải tiến thủ tục cho vay đối với doanh nghiệp theo hướng minh bạch, đơn giản, rút ngắn thời gian xét duyệt cho vay nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn; đẩy mạnh truyền thông về các chủ trương, chính sách, sản phẩm ưu đãi để doanh nghiệp biết và tiếp cận.

2. Phát triển các mặt hàng phục vụ cho xuất khẩu

- Chuyên dịch cơ cấu sản phẩm xuất khẩu theo hướng nâng cao tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng cao; nâng cao chất lượng đối với sản phẩm xuất khẩu; phát triển công nghiệp hỗ trợ đối với các ngành có lợi thế xuất khẩu; tăng cường vai trò của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh hàng xuất khẩu; củng cố và mở rộng thị trường cho hàng hóa xuất khẩu; tăng cường xây dựng thương hiệu quốc gia, thương hiệu sản phẩm xuất khẩu và thương hiệu doanh nghiệp.

- Nâng cao năng lực của doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa và siêu nhỏ, xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới thiết bị, đổi mới công nghệ và đổi mới quy trình sản xuất sản phẩm đạt chất lượng, tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và triển khai, ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, nhằm nhanh chóng chuyển sang phương thức sản xuất và phương thức quản trị tiên tiến theo các hướng phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược xuất khẩu hàng hóa phù hợp với từng thị trường và năng lực của doanh nghiệp; tham gia vào mạng lưới sản xuất, phân phối ở nước ngoài và các chuỗi giá trị toàn cầu.

- Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện các mối liên kết giữa doanh nghiệp cung ứng nguyên phụ liệu với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cuối, giữa các khâu sản xuất - vận chuyển - chế biến - bảo quản - tiêu thụ, giữa nhà nông - nhà doanh nghiệp - nhà nước - nhà khoa học (trong nông nghiệp), giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài. Khuyến khích các

doanh nghiệp xuất khẩu nông sản trên địa bàn đầu tư phát triển vùng nguyên liệu trên cơ sở tăng cường liên kết dọc giữa các thành phần trong chuỗi cung sản phẩm an toàn từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ nông sản phục vụ xuất khẩu.

- Khuyến khích doanh nghiệp phát triển mặt hàng mới trên cơ sở khai thác tiềm năng và lợi thế của tỉnh về điều kiện tự nhiên, nhân lực, mặt bằng, công nghệ. Khuyến khích phát triển các cơ sở sản xuất chế biến sâu các hàng hóa nông sản, nhất là mặt hàng tôm.

- Chú trọng xây dựng thương hiệu sản phẩm; giới thiệu, quảng bá sản phẩm đặc trưng của tỉnh tại các hội chợ quốc tế, thông qua Thương vụ/Đại sứ quán Việt Nam tại nước ngoài, trên các kênh truyền hình của khu vực và thế giới.

- Hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại thông qua phát triển hệ thống thông tin thương mại thị trường và tăng cường công tác nghiên cứu, phân tích, dự báo thị trường hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là vai trò của Hiệp hội DN, Hiệp hội ngành hàng; hỗ trợ doanh nghiệp trong đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động trực tiếp); cung cấp thông tin tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.

3. Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ xuất khẩu

3.1. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu, cụm công nghiệp

- Hoàn thiện và đưa vào khai thác Khu công nghiệp Phú Thuận, Cụm công nghiệp Long Phước vào cuối năm 2021; chuẩn bị điều kiện để triển khai các khu công nghiệp theo định hướng phát triển về hướng Đông; Khu công nghiệp An Nhơn; có cơ chế hỗ trợ vốn để mỗi huyện triển khai đầu tư ít nhất một cụm công nghiệp quy mô 70ha (riêng huyện Chợ Lách có quy mô phù hợp).

- Đầu tư xây mới và nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, kho, bến bãi trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những tuyến giao thông đang xuống cấp, gây khó khăn trong vận chuyển hàng hóa sản xuất, kinh doanh xuất khẩu trên địa bàn.

3.2. Phát triển các loại hình dịch vụ Logistics

Tập trung rà soát và hoàn thiện cơ chế, chính sách để thu hút và khuyến khích phát triển hạ tầng giao thông và dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh; trong đó chú trọng khai thác các tiềm năng lợi thế của tỉnh như hệ thống sông Mê Kông kết nối với các địa phương (giao thương), hệ thống giao thông thủy (vận chuyển), xây dựng cảng sông, cảng biển, cảng trung chuyển/kho bãi/kho đông lạnh...; đồng thời, có chương trình/kế hoạch thu hút các dự án đầu tư phát triển lĩnh vực logistic, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực logistics và kế hoạch khai thác hiệu quả các bến, cảng và kho bãi hiện có. Kêu gọi đầu tư cảng biển nước sâu, cảng trung chuyển hàng hóa phục vụ hoạt động logistics.

3.3. Phát triển thương mại điện tử

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về lợi ích của thương mại điện tử đến cộng đồng doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh; vận hành hiệu

quả Sàn giao dịch thương mại điện tử đặc sản Bến Tre. Bên cạnh đó, tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử; đồng thời, liên kết các sàn thương mại điện tử trong và ngoài nước để phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xuất khẩu trực tuyến, bán hàng thông qua kênh thương mại điện tử.

- Hỗ trợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm, doanh nghiệp xuất khẩu của tỉnh lên các website chuyên ngành, cổng thông tin xuất khẩu của Bộ Công Thương, Cục Xúc tiến thương mại và các trang bán hàng toàn cầu như Alibaba, Amazon,...

- Hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi số thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, góp phần lan tỏa thực hiện chuyển đổi số trong cộng đồng doanh nghiệp tỉnh, nâng cao hiệu quả quản trị và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

4. Phát triển thị trường xuất khẩu

Hỗ trợ các doanh nghiệp tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối thúc đẩy tiêu thụ và thông tin thị trường. Cụ thể:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các cam kết trong lĩnh vực thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, phương án cam kết cắt giảm/xóa bỏ thuế nhập khẩu hàng hóa và các cam kết về tiếp cận thị trường của Hiệp định EVFTA, CPTPP, RCEP, UKVFTA.... để nâng cao sự hiểu biết của người dân và doanh nghiệp về các cam kết của Hiệp định.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, đa dạng hóa các hoạt động xúc tiến thương mại, có trọng tâm trọng điểm, thông qua liên kết tiêu thụ sản phẩm; tổ chức, giới thiệu và làm đầu mối cho các doanh nghiệp tham gia các diễn đàn, hội thảo, khảo sát thị trường, hội chợ triển lãm trong và ngoài nước nhằm mở rộng thị trường; hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin thị trường, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập và cung cấp thông tin chuyên sâu về thị trường trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng sản phẩm xuất khẩu đạt thương hiệu quốc gia và xây dựng thương hiệu doanh nghiệp. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xác lập, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp ở thị trường trong nước và tại các thị trường xuất khẩu. Áp dụng các công cụ trực tuyến để duy trì thị trường, quan hệ với các đối tác, hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng tìm được bạn hàng cho những sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của tỉnh, nhất là các sản phẩm nông sản, sản phẩm từ dừa,...

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xúc tiến thương mại thông qua ứng dụng thương mại điện tử và các nền tảng công nghệ số, chú trọng công tác quảng bá sản phẩm qua các phương tiện này, tận dụng cơ hội đẩy mạnh thương mại điện tử thúc đẩy phát triển mạnh thị trường trong nước và xuất khẩu.

5. Phát triển nguồn nguyên liệu cho chế biến, xuất khẩu

- Tập trung triển khai Nghị quyết 07-NQ-TU ngày 29/01/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng vùng sản xuất tập trung, gắn phát triển chuỗi giá trị nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm.

Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương để triển khai Dự án “Liên kết xây dựng vùng sản xuất dựa theo hướng an toàn, chất lượng cao ở các tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long, Tiền Giang, Trà Vinh”. Hoàn thiện và triển khai chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Bến Tre đến năm 2030. Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ vào sản xuất; nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Chú trọng phát triển nông nghiệp sạch, hữu cơ, an toàn thực phẩm và tăng cường bảo quản sau thu hoạch; phát triển nông nghiệp theo hướng liên kết, hợp tác, tiêu thụ gắn với du lịch. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy mô trang trại, an toàn sinh học, đảm bảo môi trường. Gắn chăn nuôi với chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

- Rà soát, điều chỉnh vùng nuôi, hình thức nuôi và đối tượng nuôi thủy sản phù hợp với định hướng thị trường thích ứng với biến đổi khí hậu; gắn nuôi thủy sản với chế biến, xuất khẩu. Thực hiện tốt việc chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định. Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh các cảng cá và chuyển đổi mô hình quản lý các cảng cá nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và chất lượng dịch vụ hậu cần nghề cá; phát triển các hợp tác xã trong lĩnh vực thủy sản.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Đẩy mạnh và đổi mới phương thức thông tin tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng chương trình tuyên truyền cụ thể nhằm phổ biến, cung cấp thông tin đến các doanh nghiệp về thị trường nước ngoài, các Hiệp định FTA thế hệ mới, chính sách pháp luật mới liên quan đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu,...

- Thiết lập mối quan hệ với các cơ quan Thương vụ, Tham tán thương mại Việt Nam tại nước ngoài để tiếp nhận kịp thời thông tin về tình hình thị trường, lộ trình cắt giảm thuế quan, các rào cản kỹ thuật trong thương mại,...phổ biến kịp thời đến các doanh nghiệp để ứng phó và hạn chế rủi ro, tổn thất, nhất là tiếp nhận hỗ trợ trong các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu; tăng cường gặp gỡ, đối thoại với các Hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp xuất khẩu để nắm tình hình, kịp thời giải quyết hoặc đề xuất UBND tỉnh giải quyết khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu cho các doanh nghiệp thông qua nâng cao hiệu quả việc tổ chức, lựa chọn doanh nghiệp tham gia, tăng cường công tác giới thiệu, quảng bá

các sản phẩm tại các Hội chợ, triển lãm quốc tế và các hoạt động xúc tiến thương mại khác. Xác định rõ sản phẩm chủ lực của tỉnh là hàng nông sản, thị trường mục tiêu cần là khách du lịch, thành phố Hồ Chí Minh, xuất khẩu,... Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến thương mại; kịp thời dự báo thông tin thị trường; Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển thương mại điện tử khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện phương pháp tiếp cận thị trường theo xu hướng hiện đại, phi truyền thống như tìm kiếm đối tác trên không gian mạng thông qua việc thuê gian hàng của các website bán hàng trực tuyến lớn trên thế giới như Amazon, Alibaba,... để tăng cường quảng bá sản phẩm, giảm chi phí trong giao dịch, hạ giá thành sản phẩm xuất khẩu.

- Thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại hỗ trợ, định hướng cho doanh nghiệp chủ động nghiên cứu, ứng dụng các tiêu chuẩn, quy trình sản xuất xanh - sạch - thân thiện với môi trường và đáp ứng trách nhiệm xã hội để tăng cường hình ảnh và chất lượng sản phẩm Bến Tre.

- Đẩy mạnh hoạt động khuyến công, xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các Chương trình khuyến công quốc gia và địa phương nhằm khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư máy móc, thiết bị mở rộng sản xuất, xuất khẩu; phát triển mạng lưới điện phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện các quy định về quản lý xuất nhập khẩu; tập trung hình thành các mối liên kết giữa các doanh nghiệp để nâng cao sức cạnh tranh, hội nhập nhanh và phát triển hiệu quả hơn. Thực hiện các chương trình liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp phân phối, nhằm tổ chức hoạt động sản xuất và lưu thông hàng hóa một cách hợp lý, thông suốt, giải quyết các vấn đề trong lưu thông và phân phối hàng hóa.

- Phối hợp đề xuất các giải pháp nâng cao dịch vụ logistics thuộc ngành Công thương theo Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2017, Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các giải pháp nhằm giảm chi phí logistics, kết nối hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistic tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Công Thương triển khai các giải pháp thu hút các tập đoàn xuyên quốc gia từ các nước đã ký Hiệp định FTA đầu tư vào ngành công nghiệp hỗ trợ tạo nguồn nguyên liệu đầu vào cho các doanh nghiệp xuất khẩu linh kiện điện tử, ô tô, da giày... đáp ứng quy tắc xuất xứ theo quy định của các Hiệp định FTA.

- Tham mưu phân bổ nguồn lực và đẩy mạnh thu hút đầu tư hoàn thiện hạ tầng các cụm công nghiệp, thu hút các dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ, dự án sản xuất phục vụ xuất khẩu.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện kế hoạch đảm bảo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định của pháp luật liên quan.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng kế hoạch cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025; xây dựng Kế hoạch hành động và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 07-NQ/TU của Tỉnh ủy ngày 29/01/2021 về xây dựng vùng sản xuất tập trung, gắn phát triển chuỗi giá trị nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Hỗ trợ phát triển xây dựng mã số vùng trồng, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu nông sản,...đảm bảo truy xuất nguồn gốc và an toàn thực phẩm nông sản; phát triển 06 nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia đến năm 2030 gắn với truy xuất nguồn gốc, chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, phát triển thị trường; xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc hàng nông sản. Theo dõi, cập nhật các quy định về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật để phổ biến cho doanh nghiệp trong tỉnh và đề xuất biện pháp đối phó.

- Chủ động hội nhập, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp với các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Israel,...để học hỏi, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp áp dụng cho tỉnh.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu với UBND tỉnh xem xét ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp, các hộ sản xuất kinh doanh thực hiện các đề tài, dự án áp dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản các mặt hàng nông sản xuất khẩu; khuyến khích đầu tư đổi mới hoàn thiện công nghệ, cải tiến dây chuyền sản xuất nhằm đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, đẩy mạnh xuất khẩu; hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp và xây dựng nhãn hiệu cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tại nước ngoài.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, tập trung giải quyết các vấn đề cốt lõi trong chuỗi sản xuất, nhất là công nghệ giống, quy trình sản xuất và sơ chế biến, bảo quản. Đẩy mạnh phát triển sản xuất theo hướng hữu cơ, tiêu chuẩn hữu cơ và các tiêu chuẩn GAP.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn mới ban hành của các nước thành viên trong tổ chức thương mại thế giới, Hiệp định thương mại tự do FTA và các hiệp định thương mại khác có khả năng tạo ra rào cản kỹ thuật, gây khó khăn hoặc cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp hoạch định chiến lược và chủ động tránh các rào cản kỹ thuật tiềm ẩn.

6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, khuyến khích tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp liên kết với doanh nghiệp thực hiện đào tạo theo nhu cầu; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về lao động, tiền lương, tiền thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn lao động, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện làm việc, góp phần thực hiện tốt cam kết về cải thiện môi trường làm việc trong các Hiệp định FTA mà Việt Nam đã ký kết.

- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trong hoạt động xuất khẩu.

7. Sở Giao thông vận tải

- Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường kết nối các khu, cụm công nghiệp để tạo thuận lợi trong vận chuyển hàng hóa; nâng cấp, mở rộng cảng Giao Long, mỗi khu, cụm công nghiệp có một cảng trung chuyển hàng hóa; lựa chọn địa điểm kêu gọi đầu tư Bến hàng hóa để tập kết phương tiện, container, hàng hóa phục vụ hoạt động logistics; triển khai đầu tư dự án đường ven biển kết nối với thành phố Hồ Chí Minh; bổ sung quy hoạch, xúc tiến đầu tư cảng biển nước sâu.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan thực hiện Đề án số 05-ĐA/TU của Tỉnh ủy về đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng giao thông và dịch vụ logistics phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Phối hợp với các huyện, thành phố và các ngành liên quan phát triển hệ thống bến bãi, cảng thủy nội địa cho từng địa phương.

- Phát triển dịch vụ vận tải, nhằm giảm chi phí vận tải trong hoạt động dịch vụ logistics.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì tổ chức thực hiện việc rà soát, kiểm kê quỹ đất hàng năm, đề xuất giải pháp khai thác sử dụng quỹ đất sạch để tạo nguồn vốn và chịu trách nhiệm tổng hợp, cung cấp danh sách các tổ chức đang quản lý sử dụng đất; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định dự án tạo quỹ đất trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án tạo quỹ đất sạch, quản lý quỹ đất công để khai thác, thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

- Hỗ trợ thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt.

9. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Công Thương tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp luật quốc tế, kỹ năng xử lý các vấn đề pháp luật quốc tế; kỹ năng xúc tiến thương mại, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, xây dựng và phát triển thương hiệu,... nhằm trang bị kiến thức, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

10. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Theo dõi, đôn đốc đẩy nhanh việc đầu tư kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp; tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp, đặc biệt là các dự án đầu tư chế biến hàng xuất khẩu; phối hợp tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm; khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu trong các khu công nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị để tăng năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm; chú trọng phát triển các sản phẩm chế biến sâu có giá trị tăng cao.

11. Cục Thuế tỉnh

Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện các đề án hiện đại hóa công tác quản lý thuế; ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các khâu, các bước trong công tác quản lý thuế, tiến hành thu ngân sách bằng phương pháp điện tử tạo thuận lợi, đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng trong thực hiện các chính sách pháp luật thuế cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

12. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bến Tre

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tích cực triển khai các giải pháp thúc đẩy, mở rộng tín dụng đảm bảo an toàn; dành vốn cho vay phát triển sản xuất kinh doanh xuất khẩu; nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ ngân hàng. Đẩy mạnh chương trình Kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, hỗ trợ tín dụng với lãi suất hợp lý nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu.

13. Chi Cục Hải quan Bến Tre

- Công bố đầy đủ thủ tục hải quan, đơn giản hóa thủ tục hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác xuất nhập khẩu để doanh nghiệp biết và tiếp cận, tư vấn giúp doanh nghiệp khai báo hải quan thuận lợi, nhanh chóng, kịp thời.

- Thường xuyên liên hệ, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Trung tâm Xúc tiến đầu tư và khởi nghiệp và Trung tâm Xúc tiến thương mại phổ biến các thông tin, dịch vụ hải quan để doanh nghiệp. Chi Cục phối hợp với Viễn thông Bến Tre triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành VNPTiOffice để góp phần phục vụ tốt cho công tác quản lý, cập nhật thông tin, phối hợp kịp thời với các Sở, ngành.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan đề xuất vị trí tập trung phát triển dịch vụ logistics, kho ngoại quan vào trong quy hoạch Đề án hạ tầng logistics trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện.

14. UBND các huyện, thành phố

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về quan điểm chỉ đạo, chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Chính phủ về phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; phổ biến các cam kết khi Việt Nam tham gia vào các Hiệp định FTA đến các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Rà soát, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền loại bỏ các thủ tục hành chính chưa phù hợp với các cam kết quốc tế trong các Hiệp định FTA thế hệ mới mà nước ta là thành viên.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các đơn vị liên quan tăng cường công tác phổ biến, tập huấn cho các tổ chức, chủ hộ sản xuất sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu theo tiêu chuẩn GlobalGap và các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý môi trường theo ISO 14000 đảm bảo phù hợp với hệ thống quản lý an toàn thực phẩm cho nông sản xuất khẩu.

Trên cơ sở Kế hoạch này, đề nghị các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công và báo cáo kết quả hàng năm, cũng như đề xuất, kiến nghị về UBND tỉnh (thông qua Sở Công Thương) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: CT, KH&ĐT, TC, LĐTB&XH, NN&PTNT, KH&CN, GTVT, TN&MT, NV;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bến Tre;
- Chi Cục Hải quan Bến Tre;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng: KT, TH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, (LHT).)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Cảnh